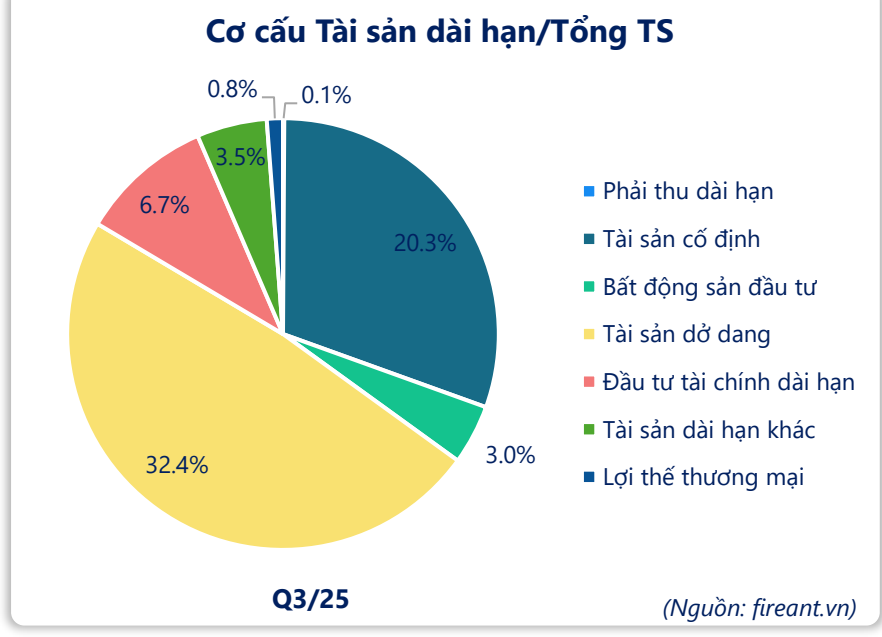
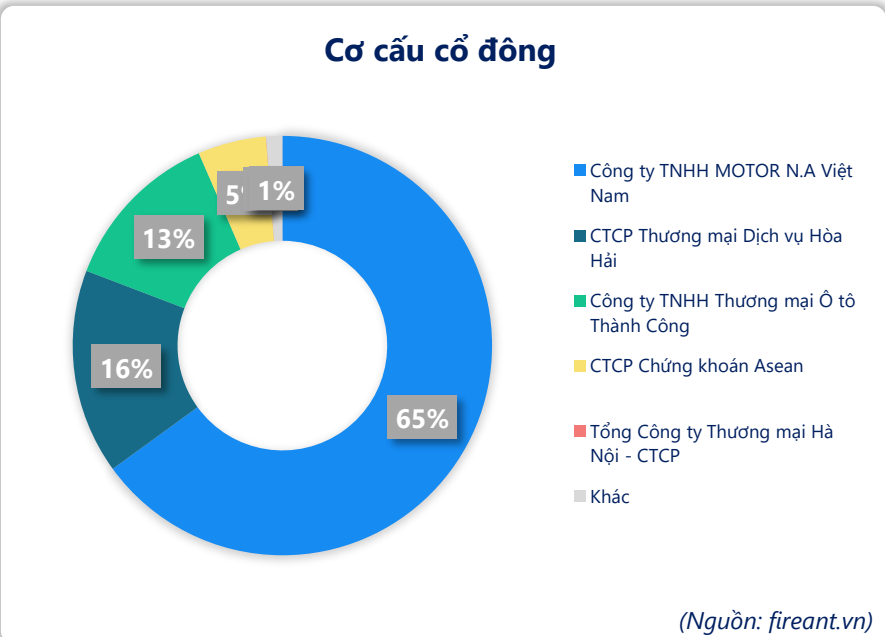
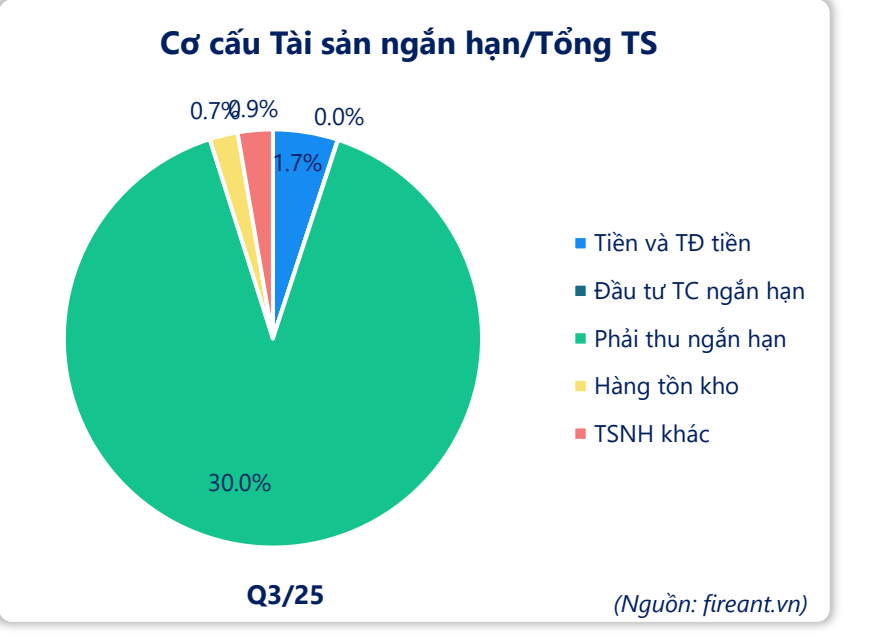
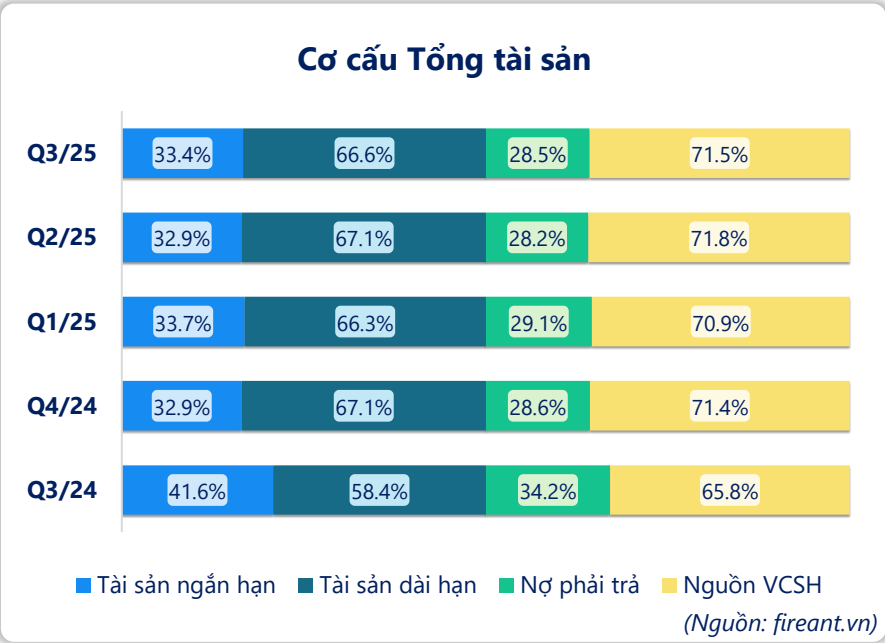
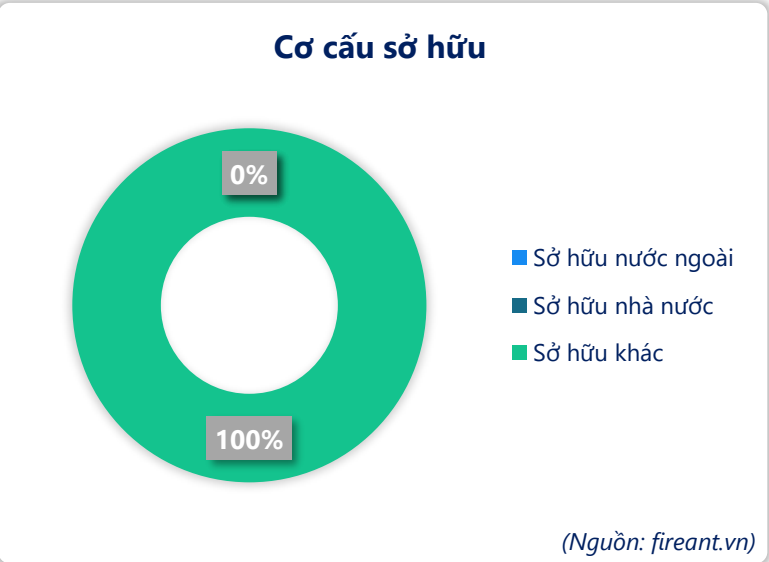
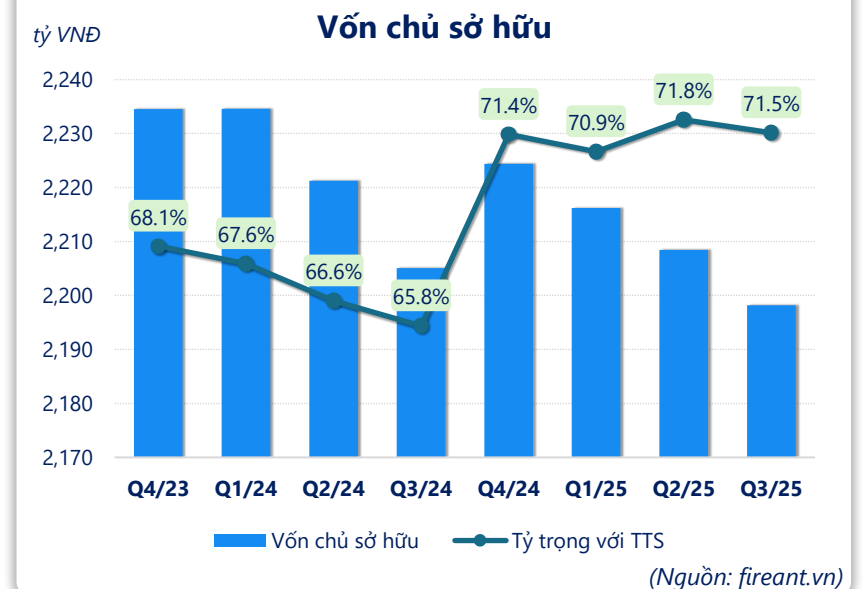
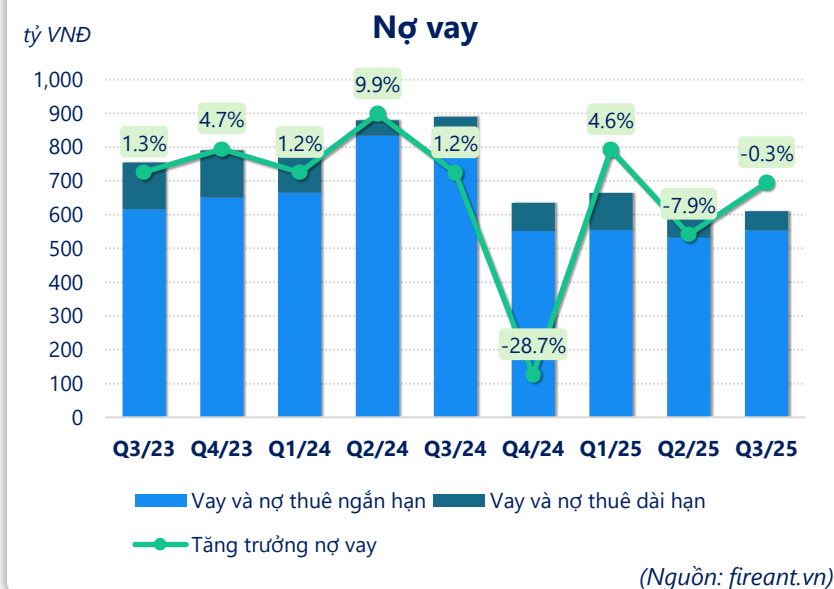
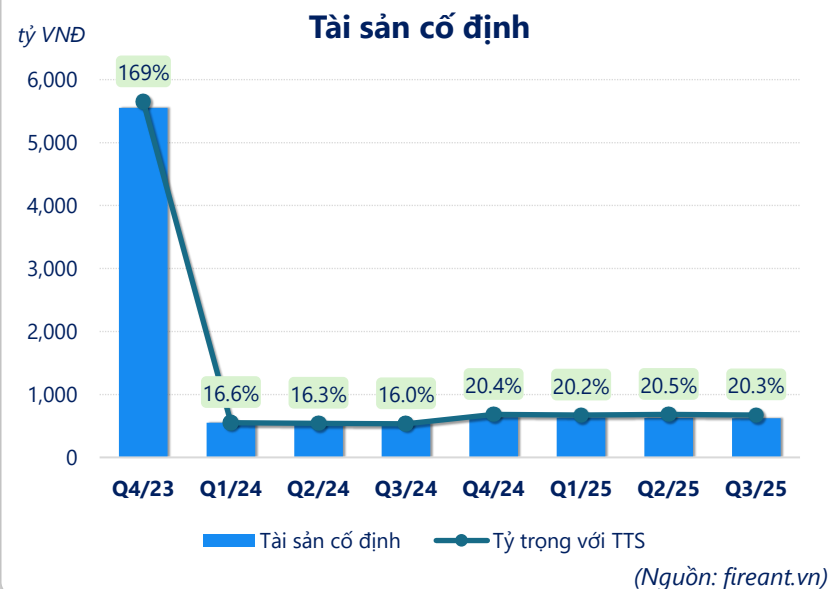
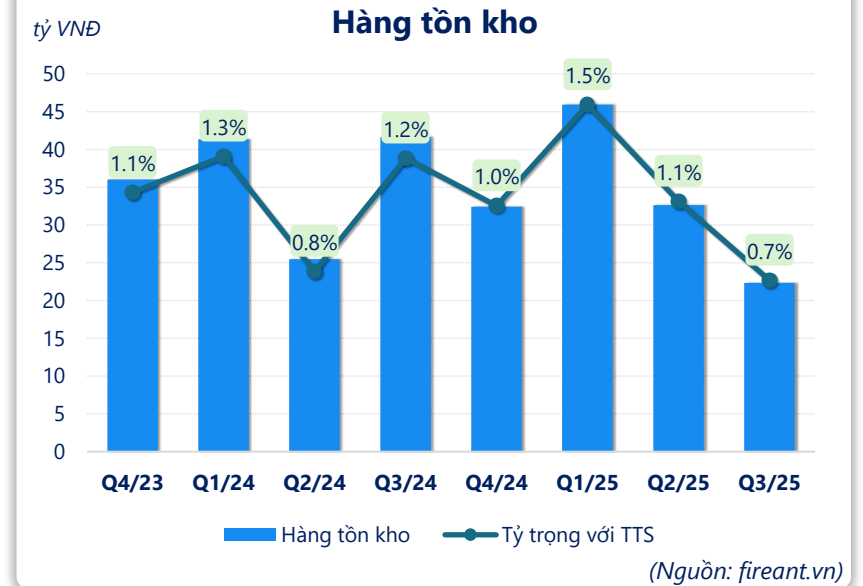
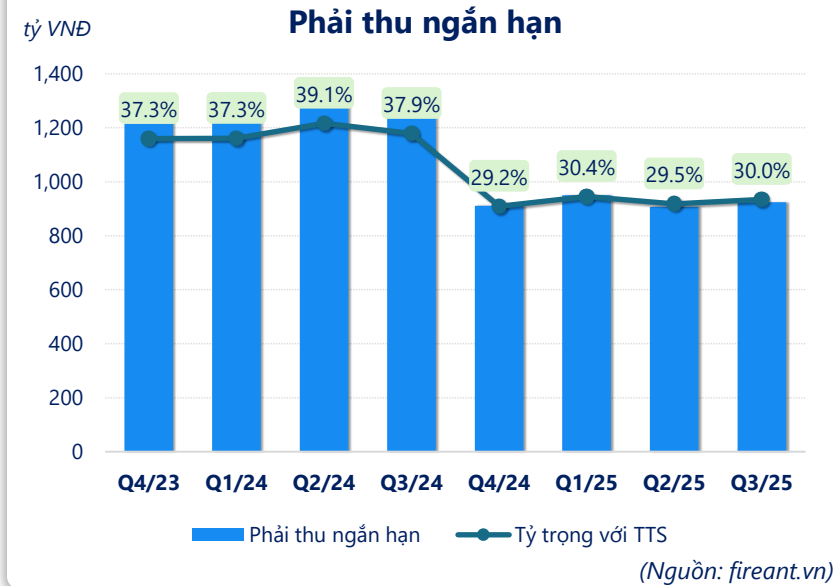
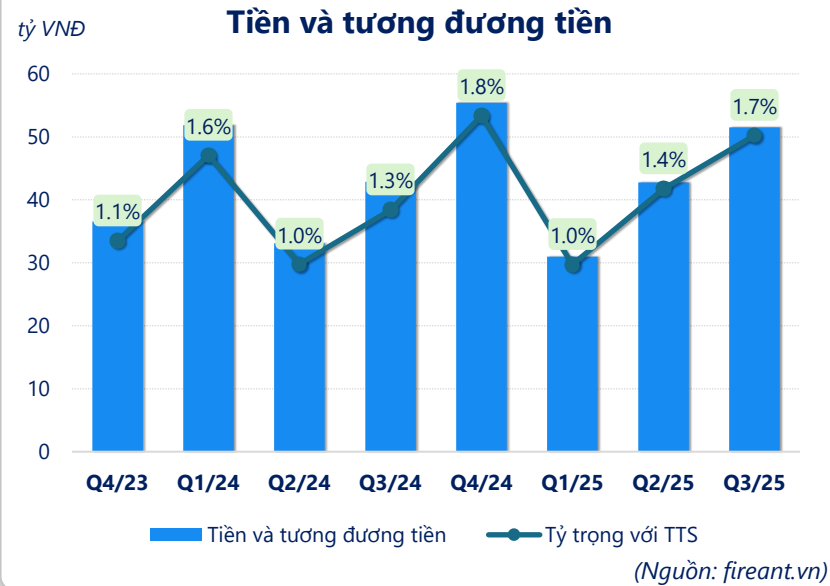
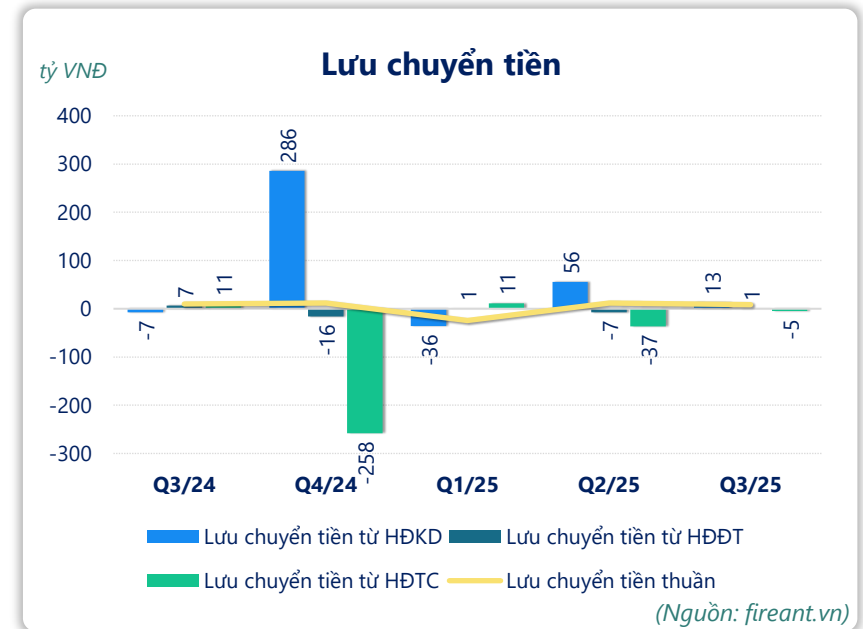
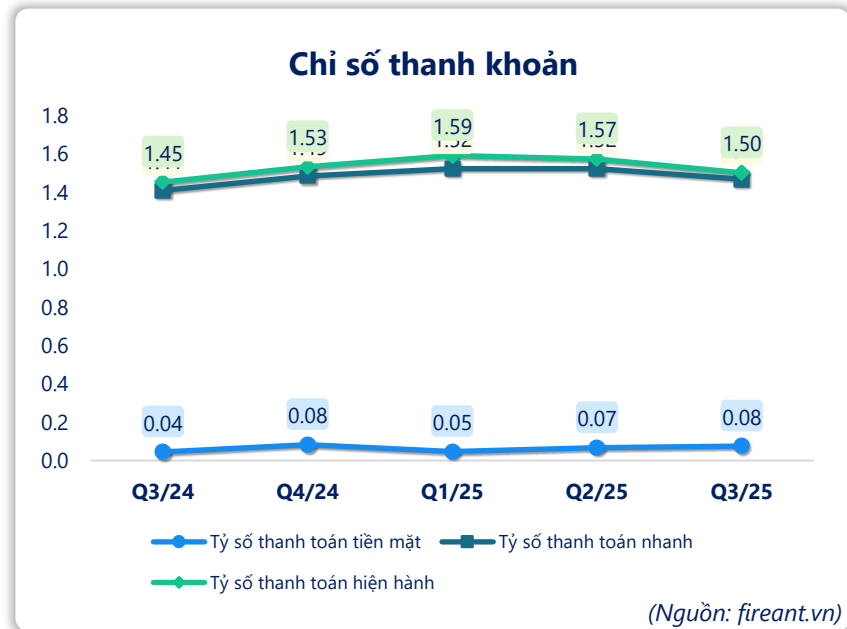
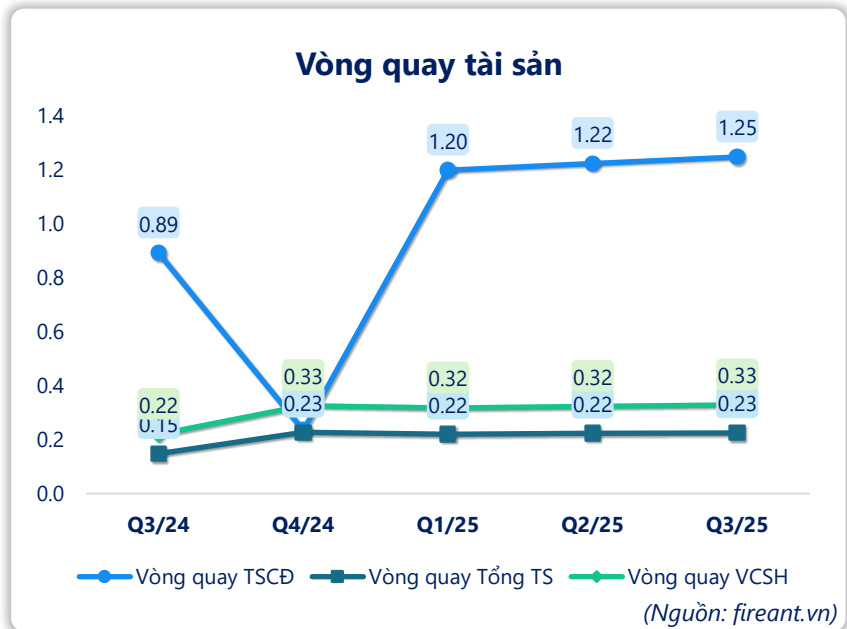
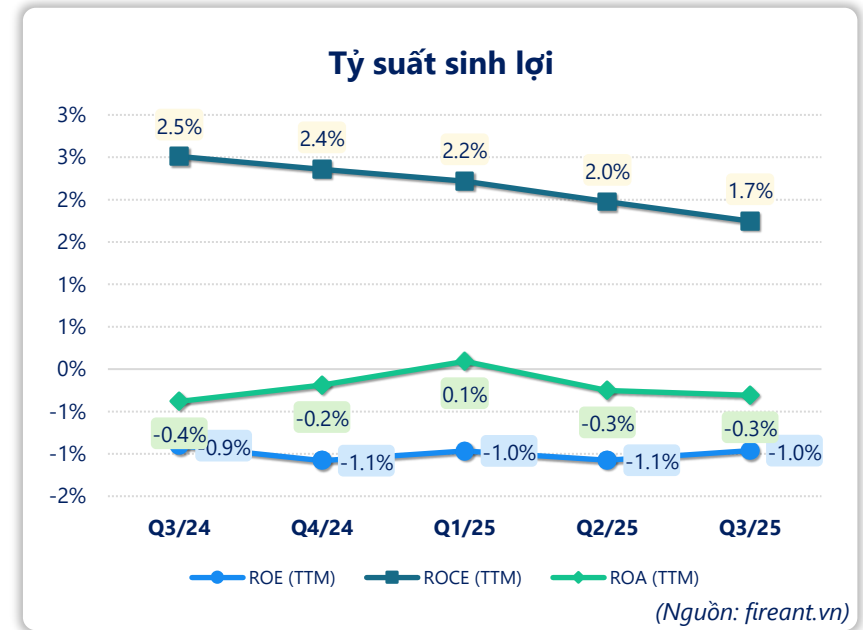
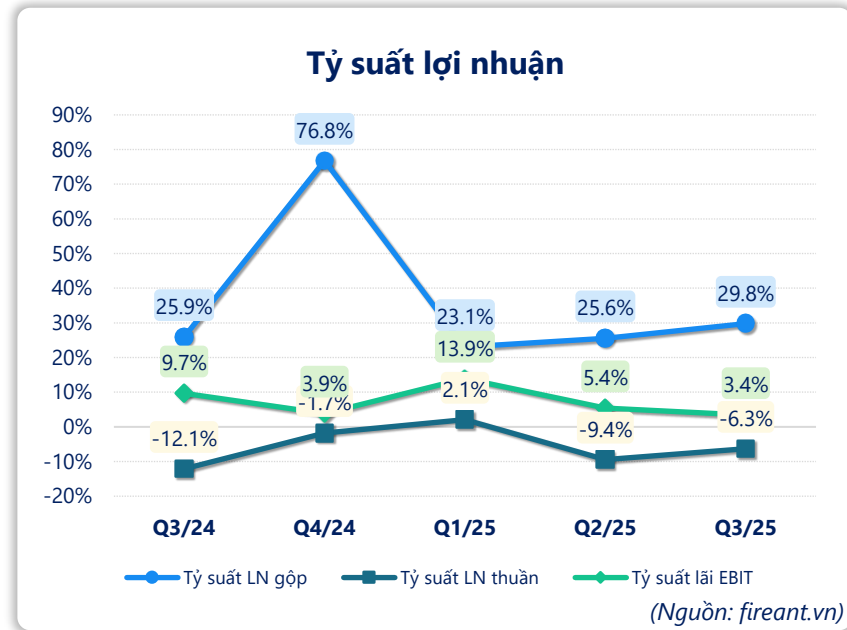
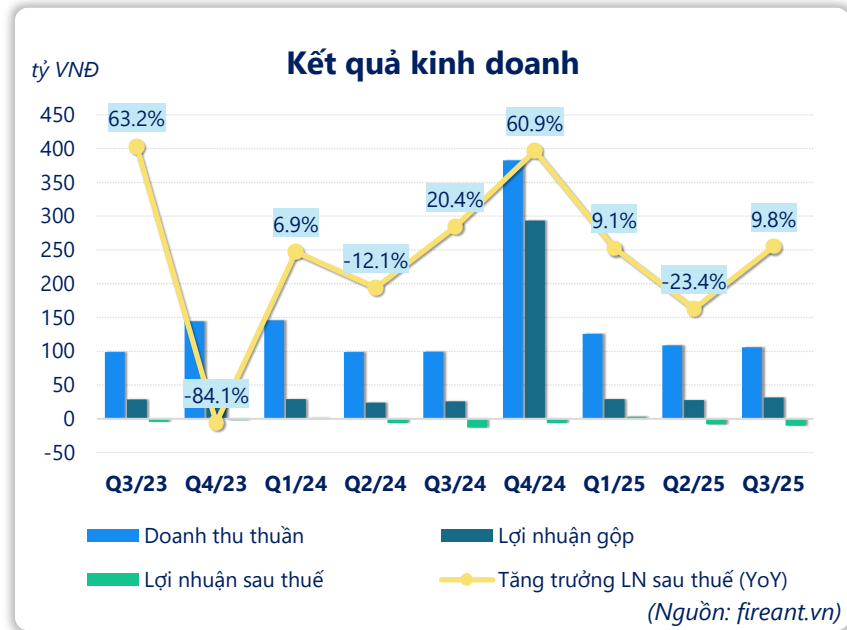


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,300
SL cổ phiếu LH		219,958,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,470
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,288
P/E		-108.0
EPS		-96

	YTD	1T	3T	6T
HTM	-5.5%	2.0%	-3.7%	4.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,076	3,122	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	1,026	1,043	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	51.5	55.3	-6.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.30	0	
Phải thu ngắn hạn	924	929	-0.5%
Hàng tồn kho	22.3	32.4	-31.1%
Tài sản ngắn hạn khác	27.8	27.0	2.9%
Tài sản dài hạn	2,050	2,078	-1.4%
Phải thu dài hạn	1.93	7.39	-73.9%
Tài sản cố định	623	636	-2.0%
Bất động sản đầu tư	91.8	94.5	-2.9%
Tài sản dở dang	996	963	3.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	205	202	1.3%
Tài sản dài hạn khác	108	146	-26.1%
Lợi thế thương mại	24.7	28.1	-12.0%
Nợ phải trả	878	908	-3.3%
Nợ ngắn hạn	683	684	-0.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	554	554	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.6	19.0	-44.3%
Nợ dài hạn	195	224	-12.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	56.4	83.4	-32.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,198	2,214	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	2,198	2,214	-0.7%
Vốn điều lệ	2,200	2,200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	99.5	383	126	109	106
Giá vốn hàng bán	73.7	88.8	96.8	81.1	74.3
Lợi nhuận gộp	25.8	294	29.0	27.9	31.5
Doanh thu HĐTC	21.7	17.3	16.6	14.3	15.8
Chi phí TC	24.3	85.6	15.1	14.4	13.9
Chi phí lãi vay	22.6	20.8	14.5	14.0	13.6
LN trong công ty LKLD	-4.09	2.62	3.55	5.64	-3.76
Chi phí bán hàng	8.75	10.0	8.26	8.39	10.1
Chi phí QLDN	22.5	225	23.1	35.3	26.3
LN thuần từ HĐKD	-12.0	-6.63	2.63	-10.3	-6.67
Lợi nhuận khác	-0.92	0.57	0.39	2.09	-3.36
LN trước thuế	-13.0	-6.06	3.02	-8.17	-10.0
Lợi nhuận sau thuế	-13.0	-6.18	2.94	-8.20	-10.1
LNST của CĐ cty mẹ	-12.6	-6.06	2.94	-8.10	-9.96

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.16	286	-36.2	55.7	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.65	-15.7	0.56	-7.40	0.75
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.5	-258	11.3	-36.6	-5.00
Tiền đầu kỳ	33.1	42.9	55.3	31.0	42.8
Lưu chuyển tiền thuần	10.0	11.9	-24.4	11.7	8.69
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.30	0.48	0.03	0.09	0.03
Tiền cuối kỳ	42.9	55.4	31.0	42.8	51.5

(Nguồn: fireant.vn)